

## **Hướng tới xanh hóa lối sống trong xây dựng nền kinh tế xanh ở Việt Nam**

Bên cạnh xanh hóa sản xuất, xanh hóa tiêu dùng, xanh hóa lối sống cũng là một trong những cách thức cần thiết phải thực hiện nhằm đưa Việt Nam tới một nền kinh tế xanh. Suy cho cùng, hành vi của con người quyết định mọi quá trình sản xuất, tiêu dùng và cách thức tác động vào môi trường và tự nhiên. Theo Ủy ban liên Chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC), lối sống là một trong những nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng tới mức độ phát thải khí nhà kính. Hơn nữa, tính dễ bị tổn thương với biến đổi khí hậu, lượng chất thải, khả năng thích ứng và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi sinh kế, lối sống, hành vi và văn hóa. Các nghiên cứu của IPCC cũng xác định khí nhà kính thải ra có thể giảm đáng kể khi thay đổi thói quen tiêu dùng, thay đổi khẩu phần ăn và giảm thiểu chất thải từ thực phẩm.

Do vậy, một nền kinh tế muốn trở nên xanh hóa thì mỗi người dân trong nền kinh tế đó phải có lối sống xanh hay cụ thể hơn là thói quen thân thiện với môi trường. Chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam đã đưa xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững là một trong những nhiệm vụ chiến lược. Theo đó, xanh hóa lối sống được hiểu là sự kết hợp nếp sống đẹp truyền thống với những phương tiện văn minh hiện đại để tạo nên đời sống tiện nghi, chất lượng cao mang đậm bản sắc dân tộc cho xã hội Việt Nam hiện đại. Thực hiện đô thị hóa nhanh, bền vững, duy trì lối sống hòa hợp với thiên nhiên ở nông thôn, đồng thời tạo lập thói quen tiêu dùng bền vững”. Trong Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 cũng khẳng định thay đổi hành vi tiêu dùng và thực hiện lối sống bền vững cũng là một trong những nhiệm vụ chủ yếu.

### **1. Quan điểm về xanh hóa lối sống**

Lối sống của con người là các chiều cạnh chủ quan của văn hóa, là quá trình hiện thực lối sống bao gồm tất cả những hoạt động sống được một bộ phận lớn hoặc toàn thể nhóm hay cộng đồng người chấp nhận và thực hành trong một khoảng thời gian tương đối ổn định đặt trong mối tương tác biện chứng của các

điều kiện sống hiện hữu và trong các môi liên hệ lịch sử của chúng<sup>1</sup>, tác giả Thanh Lê định nghĩa rằng: Lối sống là một hệ thống những nét căn bản nói lên hoạt động của các dân tộc, các giai cấp, các tập đoàn xã hội, các cá nhân trong những điều kiện của một hình thái xã hội – kinh tế nhất định<sup>2</sup>. Cố gắng phân tách các thành phần của lối sống dưới góc độ xã hội học, tác giả Trần Thị Kim Xuyên đã tổng kết phát triển tư tưởng từ nhà xã hội học Bestushev-Lada là: “Nếu lối sống được coi như một phương thức hoạt động sống của con người thì hợp lý hơn cả là phải chọn các lĩnh vực hoạt động sống quan trọng nhất là nền tảng cho cơ cấu của lối sống. Những lĩnh vực đó là lao động sinh hoạt, hoạt động chính trị - xã hội và văn hóa - xã hội”<sup>3</sup>. Như vậy, lối sống là đặc trưng mang tính cá thể, có thể tập hợp nhiều điểm chung về phong cách sống thành đặc trưng lối sống của một cộng đồng, một giai cấp hay cả dân tộc. Lối sống là yếu tố có tính lịch sử, đúc kết từ văn hóa và thói quen lâu đời, đồng thời lối sống lại có tính động thay đổi theo thời gian dưới sự ảnh hưởng của bối cảnh kinh tế, xã hội, môi trường. Đây là một yếu tố có ý nghĩa phản ánh hành vi con người - trung tâm của sự phát triển, do vậy lối sống có vai trò nhất định trong đổi mới tư duy tác phong, đóng góp quan trọng cho quá trình hướng tới con người hiện đại, xã hội mới cũng như chuyển dịch sang một nền kinh tế bền vững hơn.

Trong bối cảnh hướng tới nền kinh tế xanh, lối sống xanh được nhắc tới nhiều trong các mục tiêu và nhiệm vụ chiến lược của Chính phủ Việt Nam. Vậy hiểu thế nào là lối sống xanh. Nếu như sản xuất và tiêu dùng xanh được các quốc gia và tổ chức quốc tế phân định rõ ràng về mặt khái niệm (chủ yếu dưới khái niệm sản xuất và tiêu dùng bền vững - SCP) và cách tiếp cận thì các nghiên cứu về lối sống xanh còn hạn chế. Hiện nay, Việt Nam chưa có nhiều nghiên cứu hay điều tra về thực trạng và các giải pháp để chúng ta có được lối sống xanh. Tuy nhiên theo quan điểm trong các Chương trình, Chiến lược đã được Chính phủ đưa ra như đã nêu trên, có thể xác định rằng, xanh hóa lối sống thường đi cùng với thuật ngữ “xanh hóa tiêu dùng” như là hai hành động đồng thời để đạt tới một nền kinh tế xanh. Xanh hóa lối sống được hiểu là phong cách sống, thói quen, hành

---

<sup>1</sup> Xem Phạm Hồng Trung: “Nghiên cứu về lối sống: Một số vấn đề về khái niệm và cách tiếp cận, tạp chí Khoa học, chuyên san Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tập 23, 80 4, 2007

<sup>2</sup> Xem Thanh Lê: Lối sống xã hội chủ nghĩa và xu thế toàn cầu hóa, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001

<sup>3</sup> . Trần Thị Kim Xuyên: Giáo trình xã hội học lối sống, Nxb. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, 2005.

động trong cuộc sống hướng tới hòa nhập và thân thiện hơn với môi trường, tiêu thụ ít tài nguyên thiên nhiên hơn và giảm thiểu mức phát thải.

Một thuật ngữ khác đồng nghĩa với lối sống xanh là thuật ngữ lối sống bền vững (sustainable lifestyle). Lối sống bền vững là cách thức hành động và tiêu dùng của cộng đồng đảm bảo đáp ứng nhu cầu, cải thiện chất lượng cuộc sống, giảm tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên, giảm mức độ phát thải cũng như gây ô nhiễm, và không ảnh hưởng tới nhu cầu của thế hệ tương lai<sup>4</sup>. Nghiên cứu của UNEP (2010) xác định lối sống bền vững có phạm vi rộng hơn tiêu dùng bền vững. Lối sống có thể có hoặc không bao gồm việc tiêu dùng sản phẩm. Các đặc trưng về lối sống bị ảnh hưởng từ các khác biệt về đặc điểm nhân khẩu học của người dân như: trình độ học vấn, thu nhập, tuổi tác, đặc biệt là những niềm tin và nguyên tắc của họ (Weber và Matthews, 2008)<sup>5</sup>. Ví dụ như, một gia đình trí thức và có thói quen tiết kiệm sẽ lựa chọn căn nhà gần nơi họ làm việc để tiết kiệm nhiên liệu và thời gian di chuyển. Hay một hộ gia đình theo đạo Phật thay vì chọn một căn nhà rộng rãi thì họ muốn một căn nhà nhỏ hơn và nhiều cây xanh hòa hợp với thiên nhiên hơn.

Như vậy, hình thành lối sống xanh là quá trình trả lời chúng ta tiêu dùng như thế nào và chúng ta tổ chức cuộc sống hằng ngày của mình ra sao. Cách chúng ta ăn uống sinh hoạt, trao đổi, chia sẻ, giáo dục và xây dựng bản sắc cá nhân theo hướng cân bằng hơn với môi trường tự nhiên. Nó cũng là cách mà những công dân sử dụng năng lượng, giao thông vận tải, xử lý chất thải, hình thành cộng đồng đoàn kết góp phần xây dựng lối sống bền vững.

## **2. Đặc trưng lối sống của người Việt hiện nay và hệ quả đối với môi trường**

Đặc trưng lối sống của người Việt có ảnh hưởng rất lớn tới tác động của họ vào môi trường tự nhiên. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường không ngừng thay đổi như hiện nay, việc nghiên cứu làm rõ đặc trưng lối sống người Việt là rất cần thiết để hiểu đúng đắn hành vi, đánh giá mức độ xanh hóa trong lối sống, từ đó có những giải pháp cụ thể để tác động khuyến khích phát triển lối sống xanh.

---

<sup>4</sup> Mont: Concept paper for the International Task Force on Sustainable Lifestyles. Third International Expert Meeting on Sustainable Consumption and Production, Stockholm, 2007

<sup>5</sup> Weber, C. L. and H. S. Matthews: Quantifying the global and distributional aspects of American household carbon footprint, *Ecological Economics*, 2008, 66(2-3): 379-391

Nhìn chung, cộng đồng người Việt hiện nay có một số đặc điểm như sau:

Các làng xã, đặc biệt vùng dân tộc thiểu số luôn tồn tại nhiều tục lệ ngoài luật, tư tưởng “phép vua thua lệ làng”, chưa phát triển nếp sống theo pháp luật. Đây là một cản trở lớn trong quá trình hướng tới xây dựng một xã hội tự do với tinh thần thượng tôn pháp luật.

Việt Nam có tới hơn 70% người dân sống ở nông thôn vì vậy nên lối sống còn mang đậm nét tâm lý của người sản xuất nhỏ - tâm lý tiểu nông. Bên cạnh đức tính cần cù là tính tùy tiện, tác phong lao động chưa chuyên nghiệp. Một số vùng nông thôn hiện nay đã được mở rộng, nâng cấp thành khu đô thị mới, tuy nhiên quá trình tăng cường nhận thức cho người dân chưa đi kịp tốc độ phát triển đô thị, do vậy lối sống chưa thực sự mang hình dáng của đô thị hiện đại.

Mang bản chất con người phương Đông, người Việt có phong cách ứng xử thường thiên về duy tình hơn duy lý. Cuộc sống nông nghiệp phụ thuộc vào thiên nhiên do vậy người nông dân phải dựa vào nhau để cùng ứng phó với thiên tai. Tính thời vụ của nền nông nghiệp lúa nước cũng đòi hỏi mọi người phải liên kết lại.

Thế hệ sinh ra vào những thập kỷ cuối của thế kỷ XX với bản tính vẫn ưa thích ổn định an toàn và e ngại thử thách. Điều này ảnh hưởng lớn đến động lực đổi mới tư duy con người, đổi mới xã hội cũng như thay đổi nền kinh tế.

Còn nhiều vùng dân tộc thiểu số chưa nói tiếng Việt phổ thông do vậy việc đào tạo, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức gặp khó khăn. Ngoài ra, tín ngưỡng cũng có ảnh hưởng tới lối sống hằng ngày của người Việt.

Những đặc điểm này đã và đang ảnh hưởng tới hoạt động bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam, như sau:

*Thứ nhất*, người dân ý thức chưa cao, thiếu tinh thần thượng tôn pháp luật ảnh hưởng tiêu cực tới việc tuân thủ pháp luật môi trường. Mặc dù Việt Nam đã có khuôn khổ pháp lý về hoạt động bảo vệ môi trường, tuy nhiên người dân vẫn chưa có lối sống phù hợp với các quy định này. Ở các làng nghề, hoạt động xả thải không qua xử lý một phần do ý thức người dân còn kém. Quá trình công nghiệp hóa càng mạnh, càng áp dụng máy móc, công nghệ vào sản xuất với số lượng lớn, thì môi trường làng nghề càng ô nhiễm nghiêm trọng, do xử lý chất thải không phù hợp hoặc và một phần do các hộ dân không chú trọng khâu này.

*Thứ hai*, đặc trưng lối sống tùy tiện và tâm lý tiêu nông của đại bộ phận người dân Việt Nam cũng là nguyên nhân gây lãng phí năng lượng, tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường. Người dân vẫn có suy nghĩ rằng, tắt đi một bóng đèn, biển quảng cáo cũng không tiết kiệm được bao nhiêu tiền. Vẫn phổ biến hiện tượng xả rác tùy tiện, bừa bãi ở nơi công cộng. Ở nông thôn, tình trạng vỏ bao bì hóa chất bảo vệ thực vật thải bỏ ngay tại đồng ruộng đã gây phát sinh mùi, khí thải gây ảnh hưởng đến môi trường không khí.

*Thứ ba*, người Việt có phong cách ứng xử thiên về duy tình hơn duy lý cũng là nguyên nhân làm yếu đi tính hiệu lực của pháp luật. Người Việt thường lấy đạo đức làm cơ sở trong quan hệ ứng xử giữa người với người, tâm lý nể nang “tình làng nghĩa xóm” đã “che mờ” quan hệ pháp lý. Trong cuộc sống thường ngày, khi phát hiện hành vi gây ô nhiễm môi trường như xả rác không đúng nơi quy định, gây ô nhiễm tiếng ồn... người dân hầu như chỉ nhắc nhở mà không báo cáo với cơ quan chức năng để xử phạt. Hơn nữa, phần lớn những thiệt hại môi trường chưa hiện hữu toàn bộ ở hiện tại mà ảnh hưởng lâu dài trong tương lai, do vậy đánh giá xử phạt các sai phạm về bảo vệ môi trường cũng chưa triệt để. Hành vi gây ô nhiễm môi trường ở cấp địa phương thường chỉ kiểm điểm mà ít lập biên bản, áp dụng chế tài nghiêm khắc. Điều này vô hình trung đã dung dưỡng lối sống tùy tiện, coi trọng tiện nghi trước mắt mà không nghĩ tới hậu quả môi trường, bỏ qua các quy định pháp luật về môi trường

*Thứ tư*, người Việt coi trọng tính cộng đồng, vì vậy có tính đoàn kết cao trong các hoạt động chung, trong đó có hoạt động bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, tính cộng đồng quá lớn cũng lấn át tính cá nhân, giảm tính sáng tạo của các cá nhân. Con người thiếu năng động đồng nghĩa với động lực sáng tạo các sản phẩm mới, thân thiện hơn với môi trường cũng bị hạn chế.

*Thứ năm*, việc còn những vùng dân tộc thiểu số chưa sử dụng tiếng Việt gây rào cản khi truyền thông môi trường. Giáo dục môi trường triển khai ở các vùng này gặp khó khăn.

Cuối cùng, tín ngưỡng cũng ảnh hưởng mạnh mẽ đến lối sống thân thiện với môi trường của người Việt. Thói quen ăn chay của các tín đồ Phật giáo có tính chất thân thiện với môi trường do giảm phát thải khí nhà kính từ tiêu thụ thực phẩm thịt, tăng cây xanh, rau xanh.

Như vậy, những đặc trưng lối sống của người Việt gây ra những hệ quả tiêu cực đối với môi trường và cần được chú ý trong hình thành lối sống xanh, tiêu dùng xanh ở Việt Nam, Nội dung dưới đây phân tách khu vực thành thị, nông thôn - nơi có điều kiện cơ sở hạ tầng và thói quen sinh hoạt tương đối khác nhau nhằm nhìn nhận cụ thể hơn mức độ xanh hoa trong lối sống ở Việt Nam hiện nay.

### **3. Thực trạng về xanh hóa lối sống ở Việt Nam**

#### *3.1. Xanh hóa lối sống ở đô thị Việt Nam*

Năm 1986 dân số đô thị Việt Nam dưới 13 triệu người thì năm 2015 đã hơn 30 triệu. Các đô thị trở thành trụ cột phát triển đóng góp hơn 50% GDP. Tuy nhiên, đô thị hóa ở Việt Nam cần những thay đổi lớn về tư duy để đảm bảo phát triển bền vững. Để tăng trưởng kinh tế song song với nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân thì một trong những điều kiện quan trọng là người dân ở đô thị cần có ý thức cao, thay đổi lối sống hiện tại cho phù hợp và thân thiện hơn với môi trường.

Lối sống đô thị Việt Nam kể từ sau đổi mới (năm 1986) đến nay đã có nhiều chuyển biến và nỗ lực cân bằng hoạt động của con người với môi trường tự nhiên. Bước đầu, các điều kiện môi trường cơ bản như nước sạch, hố xí hợp vệ sinh, công trình xử lý nước thải và chất thải rắn đã có tại các vùng đô thị. Nước sạch cung cấp tới từng hộ gia đình. Tính đến năm 2014, tỷ lệ hộ gia đình thành thị có nguồn nước hợp vệ sinh là 98,3%, tăng 6.1 điểm phần trăm so với năm 2002 (tỷ lệ là 92,2%)<sup>6</sup>.

Về xử lý chất thải đô thị, số liệu năm 2015 cho thấy các đô thị đặc biệt và đô thị loại I hầu như đều có công trình xử lý chất thải rắn đạt tiêu chuẩn quy định, trong đó đô thị đặc biệt đạt 2/2 công trình chuẩn, đô thị loại I đạt 13/15 công trình chuẩn. Tuy nhiên, tỷ lệ số đô thị có công trình xử lý chất thải rắn đạt tiêu chuẩn vẫn còn thấp. Trong tổng số 787 đô thị chỉ có 146 đô thị đạt tiêu chuẩn xử lý, chiếm 18,6%<sup>7</sup>.

Về xử lý nước thải, số đô thị có hệ thống xử lý nước thải còn hạn chế. Tỷ lệ xử lý nước thải đô thị đạt tiêu chuẩn còn ở mức rất thấp, chỉ có 42 đô thị trong tổng số 787 đô thị đạt chuẩn về xử lý nước thải, chiếm 5,3%. Hầu hết các đô thị

---

<sup>6</sup> Tổng cục thống kê: Báo cáo tình hình kinh tế xã hội năm 2002, 2004, 2006, 2008, 2010, 2012, 2014

<sup>7</sup> Nguồn: Tổng cục thống kê

loại V (628 đô thị) đều chưa đảm bảo về công trình xử lý chất thải rắn và nước thải.

Thực trạng trên cho thấy các đô thị ở Việt Nam đang dần hoàn thiện các cơ sở hạ tầng, thiết bị cơ bản tạo điều kiện cho người dân phát huy ý thức bảo vệ môi trường. Những khu đô thị mới, khu dân cư mới đều xác định tiêu chí xây dựng theo hướng đảm bảo môi trường sống trong lành, thân thiện. Nhiều khu đô thị sinh thái được hình thành với không gian phần lớn là cây xanh, hồ nhân tạo, đem lại điều kiện sống xanh cho người dân. Trong đời sống sinh hoạt, chất thải rắn được các công ty dịch vụ môi trường đô thị thu gom, xử lý, người dân chỉ cần bỏ rác đúng nơi quy định. Trên nhiều tuyến phố, cơ quan quản lý đặt các thùng rác riêng để phục vụ phân loại chất thải tại nguồn, song song với đó là các chương trình phân loại rác tại nguồn được hướng dẫn thực hiện ở các đô thị lớn.

Mặc dù được tạo điều kiện, khuyến khích bảo vệ môi trường, lối sống của người đô thị ở Việt Nam vẫn biểu hiện nhiều điểm chưa xanh.

*Thứ nhất*, người dân bước đầu đã hiểu vai trò của việc giảm thiểu chất thải, tái sử dụng và tái chế thông qua các chương trình, dự án hướng dẫn về 3R nhưng chưa thực sự áp dụng vào thực tiễn. Bằng chứng là chỉ số phát sinh chất thải rắn đô thị vẫn tăng hàng năm. Đến năm 2015, trung bình mỗi người dân phát thải 1,02 kg chất thải rắn đô thị, tăng 0,27 kg mỗi người so với năm 2007 mặc dù tốc độ tăng đã chậm dần. Tổng lượng chất thải rắn tăng 137% sau 05 năm từ năm 2007 là 17.628 tấn/ngày đến 32.000 tấn/ngày vào năm 2015. Với tốc độ tăng như vậy, khi đô thị hóa rộng hơn, dân số đô thị tăng lên thì lượng chất thải rắn sẽ tăng theo cấp số nhân và gây áp lực to lớn cho môi trường<sup>8</sup>.

Theo kết quả điều tra của Tổng cục Môi trường, lượng chất thải rắn đô thị phát sinh chủ yếu tập trung ở hai đô thị đặc biệt là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Điều này cho thấy, mặc dù hai đô thị này là trung tâm đầu não của đất nước tuy nhiên mức độ xanh hóa lối sống còn thấp. Khảo sát của báo Pháp luật và Xã hội cho thấy ở nhiều tuyến phố, rác được vứt một cách bừa bãi gây ô nhiễm môi trường và làm mất cảnh quan đô thị. Nhiều nơi biến thành điểm tập kết rác rất phản cảm, không chỉ gây mất mỹ quan đô thị, vệ sinh môi trường mà còn thể hiện ý thức, nếp sống văn minh đô thị của người dân còn yếu.

---

<sup>8</sup> Nguồn: Báo cáo môi trường quốc gia các năm 2007, 2015

*Thứ hai*, người dân vẫn còn thói quen sử dụng túi nilon khó phân hủy mặc dù biết rõ tác hại lên môi trường sống của sản phẩm này. Nguyên nhân là do giá thành túi nilon rẻ, các cơ sở sản xuất, kinh doanh tùy tiện sử dụng để đựng sản phẩm cho khách hàng. Trung bình mỗi hộ kinh doanh tại chợ Đồng Xuân tiêu thụ 200 - 300 túi/ngày để gói hàng. Về phía người dân, mặc dù biết tác hại túi nilon nhưng do thói quen vẫn sử dụng túi nilon mà không yêu cầu cửa hàng thay đổi, túi nilon sau khi đựng thực phẩm khó rửa sạch để tái sử dụng vì vậy lượng tiêu thụ túi vẫn tăng hàng năm. Nếu tính trung bình mỗi hộ gia đình đô thị thải khoảng 8 đến 10 túi nilon các loại/ngày, tương đương với mỗi người thải 0,2 đến 1 túi nilon/người ngày thì với dân số đô thị năm 2015 là 31,5 triệu người thì lượng nhựa nilon thải ra mỗi ngày ở các đô thị là khoảng 6,3 đến 31,5 triệu túi, tương đương với khoảng 12,6 đến 63 tấn nhựa/ngày (ước tính 500 túi/kg). Kết quả khảo sát của Cục Kiểm soát ô nhiễm đối với 263 người sinh sống tại 5 tỉnh/thành phố đại diện cho 3 vùng miền cho thấy gần 50% số hộ sử dụng hơn 8 bao bì 1 ngày; 35,1% số hộ sử dụng trên 10 bao bì.

*Thứ ba*, thói quen, lối sống xả rác tùy tiện của người dân là cản trở lớn trong thực hiện phân loại rác tại nguồn ở các thành phố lớn. Các dự án lớn được thực hiện ở một số nơi như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... để tuyên truyền hướng dẫn phân loại rác, tuy nhiên kết quả không như kỳ vọng, một phần do thói quen của người dân (Hộp 8 cho thấy trường hợp cụ thể về phân loại rác thải tại nguồn của Thành phố Hồ Chí Minh). Sau hơn 10 năm (kể từ năm 2004) thực hiện thí điểm Chương trình phân loại rác thải rắn tại nguồn tại nhiều quận, huyện nhưng đến nay việc phân loại vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, khó khăn và chưa thể triển khai rộng. Ngoài nguyên nhân về cơ chế hành chính, báo cáo thống kê thì ý thức trách nhiệm của cộng đồng chưa cao, công tác xử phạt các hành vi xả chất thải không đúng quy định tại cấp phường, xã chưa thực hiện tốt, điều này làm cho ý thức của người dân về tuân thủ pháp luật chưa cao.

*Cuối cùng*, người dân vẫn chưa có thói quen tiết kiệm điện sinh hoạt, sử dụng bình nóng lạnh, tủ lạnh, điều hòa. một cách hợp lý. Mặc dù, các bóng đèn tiết kiệm điện và đồ điện tử giảm tiêu thụ điện năng được hộ gia đình ưu tiên sử dụng nhưng cách thức dùng lại thiếu bền vững. Thói quen bật đèn sẵn, không tắt đèn sau khi sử dụng, bật bình nóng lạnh liên tục vào mùa đông, ra khỏi phòng



không tất điều hòa... vẫn thường xuyên xảy ra ở các hộ gia đình thành thị, đặc biệt là ở công sở.

Ngoài những vấn đề từ lối sống của người dân, việc phát triển đô thị chưa xem xét đầy đủ vấn đề môi trường cũng là rào cản trong hình thành không gian sống, lối sống xanh cho người dân thành thị.

*Thứ nhất*, quy hoạch phát triển đô thị nước ta chưa xem xét đầy đủ đến yêu cầu bảo vệ môi trường, tỷ lệ diện tích cây xanh và mặt nước ngày càng thu hẹp. Thảm cây xanh đô thị giảm rõ rệt. Diện tích ao hồ bị san lấp ngày càng tăng. Trong khi đó, số nhà tạm hoặc những nhà chiếm dụng ven sông ven hồ lại tăng mạnh, cùng với sự tồn tại từ nhiều năm của những khu nhà ổ chuột,.. Vẫn tiếp tục có những dự án chặt hạ cây xanh chưa hợp lý ảnh hưởng đến xanh hóa đô thị.

*Thứ hai*, hoạt động xây dựng sửa chữa cải tạo nhà cửa, xây dựng đường sá, công rãnh... đã và đang góp phần gây ra ô nhiễm không khí nặng nề ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Người dân chưa quan tâm đến việc giảm thiểu sai và ô nhiễm không khí trong hoạt động thường ngày, những phương tiện vận chuyển phế thải, chất thải vật liệu xây dựng không được che chắn đúng quy định, không được rửa sạch trước khi rời bãi tập kết làm ô nhiễm môi trường đô thị. Thêm vào đó, sự chậm trễ hoàn thiện các công trình thi công cũng kéo dài thêm thời gian gây ô nhiễm bụi cho các vùng thành thị.

Như vậy, xanh hóa lối sống ở đô thị Việt Nam chưa thực sự mạnh mẽ. Để hướng tới nền kinh tế xanh, Việt Nam cần nhiều hơn những hành động kích thích thay đổi hành vi, thay đổi lối sống của người dân, nâng cao một cách đồng đều ý thức của tất cả dân cư. Quá trình ban hành chính sách khuyến khích xanh hóa lối sống ở đô thị cũng cần đặc biệt chú ý tới nhóm đối tượng “nghèo đô thị”. Đây là nhóm có nhận thức chưa cao, thu nhập còn thấp, do vậy cần truyền thông, hỗ trợ sâu sát hơn, định hướng họ có thói quen thân thiện với môi trường. Đồng thời, Nhà nước cũng cần can thiệp để đô thị hóa hiệu quả, xây dựng thành phố với mật độ dân số vừa đủ, kết nối tốt trong nội bộ và trong vùng, đảm bảo mọi người dân đều được hưởng lợi từ quá trình phát triển, không nhóm người hoặc khu vực nào bị bỏ lại phía sau.

### *3.2 Xanh hóa lối sống ở nông thôn Việt Nam*

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, mô hình nông thôn truyền thống cũng theo đó thay đổi: kinh tế nông thôn phát triển theo hướng tăng công nghiệp,

dịch vụ, ngành này nghề, góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập cho cư dân nông thôn. Bên cạnh những mặt tích cực, sự thay đổi đã tạo áp lực đối với môi trường như gia tăng nhu cầu sử dụng nước sạch, gia tăng lượng chất thải gia tăng nhu cầu tiêu dùng... Khác với lối sống đô thị, vùng nông thôn có cuộc sống gần gũi với tự nhiên hơn, các hoạt động dân sinh cũng dựa vào nguồn tài nguyên thiên nhiên là chính, do vậy lối sống có phần xanh hóa hơn đô thị. Tuy nhiên, các hộ dân nông thôn có thu nhập thấp hơn, nhận thức cũng chưa cao và không có điều kiện tiếp cận các hàng hóa dịch vụ xanh do vậy chưa thực sự hình thành lối sống xanh ở nông thôn.

*Đầu tiên là vấn đề nước sạch và vệ sinh môi trường tại các hộ gia đình. Cho tới năm 2014 vẫn còn gần 10% hộ dân nông thôn không có nguồn nước hợp vệ sinh, 22% hộ dân nông thôn dùng hố xí không hợp vệ sinh. Thực tế, cùng với áp lực từ các nguồn ô nhiễm thì tập quán sinh hoạt lạc hậu của người dân nông thôn ở nhiều vùng đồng bằng và miền núi cũng là tác nhân gây ô nhiễm môi trường và không đảm bảo vệ sinh môi trường. Số liệu thống kê cho thấy, đến cuối năm 2014, vẫn còn tới 5% hộ gia đình (tập trung chủ yếu ở vùng núi phía Bắc, Tây Nguyên và vùng duyên hải Bắc Trung Bộ) chưa có nhà tiêu và 12% hộ gia đình sử dụng cầu tiêu ao cá (chủ yếu tập trung ở khu vực phía Nam, Đồng bằng sông Cửu Long)<sup>9</sup>.*

Ngoài ra, việc thiếu nước sử dụng cho sinh hoạt và sản xuất khiến người dân phải tự ý khoan nước ngầm sử dụng mà không tìm hiểu kỹ các tác động tới môi trường có thể xảy ra như sụt lún, nhiễm mặn... Điển hình như khai thác nước ngầm để phục vụ trồng cà phê dẫn tới sụt giảm lượng nước ngầm nghiêm trọng ở Tây Nguyên. Bên cạnh đó, nhiều giếng nước không còn sử dụng hoặc khai thác không hiệu quả nhưng không có biện pháp xử lý hoặc được xử lý không đúng quy định đã làm gia tăng nguy cơ đưa nguồn ô nhiễm vào nước ngầm, gây ra hiện tượng ô nhiễm thông tầng mạch nước ngầm.

*Thứ hai, theo báo cáo môi trường nông thôn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, mặc dù, các vùng nông thôn đã hình thành tổ thu gom vận chuyển rác tự quản ở các thôn xã, tuy nhiên rác thải vẫn vứt bừa bãi ở các đường làng ngõ xóm (Hộp 9). Nông dân, đặc biệt là người dân ở các vùng sâu, vùng xa vẫn giữ thói quen đổ rác thải bừa bãi ven làng, bờ sông, ao hồ..., tạo nên các bãi rác tự phát,*

---

<sup>9</sup> Xem Báo cáo môi trường quốc gia năm 2014

ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống và cảnh quan nông thôn. Bên cạnh đó, các phế phẩm, phụ phẩm từ nông nghiệp cũng được người dân đốt thải ngay trên đồng ruộng hay thậm chí trên đường làng gây hiện tượng khói mù ô nhiễm cho các vùng lân cận. Hiện tượng này thường xuyên diễn ra vào mùa thu hoạch ở các tỉnh thành phố phía Bắc. đường

#### *Hộp 1: Thu gom rác thải ở nông thôn*

Ở hầu hết các vùng nông thôn, chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ gia đình phần lớn đều được đổ thải trực tiếp tại vườn nhà. Tại một số huyện xã khác, việc thu gom rác thải sinh hoạt được xây dựng thành những mô hình tự quản, tuy nhiên vẫn chưa đạt được kết quả 1 tích cực do thói quen vứt rác bừa bãi của người dân.

Mô hình thu gom tự quản do người dân tự tổ chức là hình thức phổ biến ở các vùng nông thôn, người dân tự thỏa thuận và cử người thu gom cho một xóm hoặc một cụm dân cư. Rác thải sau khi thu gom thường đổ lộ thiên ven đường làng, bờ mương. Do chưa được sự quan tâm, hỗ trợ của các cấp địa phương cả về tài chính và chính sách, người thu gom rác phải tự trang bị phương tiện thu gom, thu nhập trung bình chỉ đạt 100.000 - 150.000 đ/người/tháng, không được hưởng các chế độ bảo hiểm y tế, xã hội và bảo hộ lao động. Hoạt động chưa chuyên nghiệp, số lần thu gom trung bình 1 lần/tuần, có nơi 2 tuần/lần, chủ yếu thu gom rác cho khu vực ven đường chính và khu tập trung dân cư.

*Nguồn: Báo cáo Môi trường quốc gia năm 2014.*

*Thứ ba*, không chỉ rác thải sinh hoạt, người dân còn tùy tiện, vô tư vứt các bao bì, chai đựng hóa chất bảo vệ thực vật xuống đường, mương, gây ảnh hưởng tới môi trường. Lượng thuốc còn dư đọng trong chai bị quăng xuống ao, hồ, sông hay lượng thuốc dư thừa trong quá trình sử dụng quá liều lượng ngấm vào đất cũng như mạch nước ngầm. Bên cạnh đó, thói quen rửa bình bơm và dụng cụ pha chế hóa chất không đúng nơi quy định gây ô nhiễm nước mặt, nước ngầm, ô nhiễm không khí và ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái. Nhiều địa phương triển khai các biện pháp thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật nhưng chưa hiệu quả, một phần do thiếu kinh phí và phần lớn do ý thức người dân còn kém. Có nơi, đã đầu tư xây dựng một số phương tiện tại bờ ruộng để chứa vỏ bao thuốc bảo vệ thực vật nhưng người dân không thực hiện. Nguyên nhân do công tác tuyên truyền

chưa tốt, bà con nông dân vẫn đơn giản nghĩ vỏ bao thuốc bảo vệ thực vật là một loại rác thải thông thường nên vứt bỏ một cách tùy ý<sup>10</sup>.

*Thứ tư*, tập quán canh tác thâm canh, tăng vụ cũng đang góp phần làm suy thoái môi trường đất. Thâm canh, tăng vụ đặc biệt trong sản xuất lúa làm cho đất bị giây hóa do thời gian ngập nước kéo dài liên tục nhiều năm. Việc tận dụng triệt để các phế phẩm sau thu hoạch cũng làm mất dần chất hữu cơ trong đất, đất trở nên chai cứng, độ phì của đất bị suy giảm.

#### *Hộp 2. Tập quán thâm canh và hệ quả thoái hóa đất tại tỉnh Vĩnh Long*

Tại Vĩnh Long, đất có cơ cấu 3 vụ lúa/năm chiếm hầu hết trong diện tích đất trồng lúa của tỉnh, chiếm trên 98% (63.000ha). Theo hình thức thâm canh lúa nước 3 vụ/năm liên tục nhiều năm trong tình trạng đê bao khép kín diễn ra trên diện rộng ở hầu hết các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, đã gây suy giảm độ phì đất, cạn kiệt dần nguồn dinh dưỡng đa lượng và vi lượng trong đất. Lượng đạm suy giảm do giảm khả năng khoáng hóa, đất mất dần cấu trúc, ngoài ra đất bị giây hóa, nên cây trồng dễ bị ngộ độc Fe, Mn.

*Nguồn: Báo cáo môi trường quốc gia năm 2014.*

Như vậy, những thói quen, tập quán sinh hoạt sản xuất của nông dân đang ảnh hưởng tiêu cực tới quá trình xanh hóa nông thôn. Các tác động đã được phân tích như trên chủ yếu liên quan đến ô nhiễm đất, ô nhiễm nước và ô nhiễm từ chất thải rắn. Ô nhiễm không khí cũng là vấn đề ở các làng nghề vùng nông thôn, tuy nhiên không thực sự do thói quen, lối sống của người dân. Nguyên nhân xuất phát từ việc các hộ sản xuất làng nghề chưa đủ điều kiện đầu tư công nghệ thân thiện môi trường hay công trình xử lý chất thải trong quá trình sản xuất thủ công nghiệp, công nghiệp nên gây ô nhiễm, chủ yếu là do ô nhiễm bụi. Có thể thấy, năng lực cơ sở hạ tầng ở vùng nông thôn còn hạn chế cũng là rào cản ngăn người nông dân tới một lối sống xanh. Bên cạnh thiếu công trình xử lý chất thải, việc thiếu nguồn đầu tư vào cơ sở hạ tầng như nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn, hệ thống hủy lợi tưới tiêu không hợp lý cũng là những rào cản trong quá trình xanh hóa lối sống.

#### **4. Triển vọng và định hướng xanh hóa lối sống ở Việt Nam**

<sup>10</sup> ThS. Vũ Quốc Chính: Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, 2013

Ở các nước đang phát triển như Việt Nam, nhận thức người dân còn hạn chế, vẫn nặng thói quen tùy tiện, chưa chú ý đến bảo vệ môi trường nên Chính phủ có một vai trò quan trọng trong việc tạo ra khuôn khổ pháp lý và cơ sở hạ tầng thích hợp (công cụ điều tiết, đổi mới công nghệ, dịch vụ công cộng mới) cho phép người dân thay đổi lối sống. Đặc biệt, sự cung cấp thông tin và giáo dục cũng như sự tham gia của các tổ chức xã hội, các đoàn thể và khu vực doanh nghiệp là rất cần thiết nhằm phát triển các giải pháp sáng tạo cho lối sống bền vững.

Bối cảnh hiện nay cho thấy việc chuyển đổi sang nền kinh tế xanh, hướng tới phát triển bền vững đang là bước đi rõ ràng của Việt Nam ít nhất trong vài thập kỷ tới. Đất nước đang chứng kiến sự thay đổi đồng bộ về các văn bản pháp lý, quy định, chính sách nhằm tái cấu trúc kinh tế, cải thiện quản trị Nhà nước, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Xanh hóa lối sống đã được khẳng định là biện pháp quan trọng. Như vậy, Việt Nam hoàn toàn có thể tận dụng sự đồng lòng nhất trí của cả hệ thống Nhà nước trong quyết tâm hướng tới nền kinh tế xanh, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ của quốc tế để thực hiện các biện pháp thúc đẩy xanh hóa lối sống. Các giải pháp cần hướng tới tập trung vào hai mảng cụ thể: (i) hiệu đặc trưng lối sống của cộng đồng người Việt để từ đó kích thích và tác động thay đổi hành vi cá nhân theo hướng bền vững và xanh hơn; (ii) tạo môi trường thuận lợi cũng như cơ sở hạ tầng nhằm đảm bảo cuộc sống bền vững, lối sống xanh.

Đầu tiên, Nhà nước cần có các biện pháp đầu tư, hoàn thiện cơ sở hạ tầng nông thôn và đô thị bền vững, tạo điều kiện hình thành môi trường sống xanh, sạch, đẹp. Song song với đó là hoàn thiện tính hiệu lực và hiệu quả của các quy định quản lý tài nguyên, môi trường từ nông thôn đến thành thị nhằm ngăn chặn các hành vi gây ô nhiễm, suy thoái môi trường.

Tuy nhiên, giải pháp cơ bản nhằm thay đổi lối sống suy cho cùng chính là biện pháp giáo dục. Người dân, đặc biệt là các gia đình trí thức cần chú trọng giáo dục trẻ ngay từ nhỏ để có thói quen thân thiện với môi trường. Cần khẳng định rằng, giáo dục ở đây không chỉ tới từ nhà trường mà quan trọng hơn là sự giáo dục từ gia đình và xã hội. Môi trường sống của trẻ em luôn là nơi nuôi dưỡng và hình thành thói quen của chúng, mà môi trường gần nhất chính là gia đình. Ví dụ như, người lớn có thói quen tiết kiệm điện thì trẻ em sẽ học hỏi theo. Người lớn

có thói quen đi bộ, thân thiện với môi trường, không vứt rác bừa bãi thì trẻ em cũng hành động như vậy.

Một trong các biện pháp là tăng cường lan tỏa lối sống xanh từ các gia đình có lối sống xanh sang toàn bộ cộng đồng. Những biện pháp truyền thông, tuyên truyền nhằm lan tỏa lối sống xanh từ những hộ gia đình có lối sống xanh sang các hộ khác hoàn toàn có thể thực hiện dựa trên tinh thần tự nguyện. Người Việt vốn có tính cộng đồng rất cao, tính đoàn kết trong làng xã đôi khi hiệu quả hơn công cụ pháp luật, những nhắc nhở điều chỉnh của các hộ gia đình có lối sống xanh sẽ dễ dàng được người dân chấp nhận hơn là các chế tài điều chỉnh của Nhà nước. Tác động thường xuyên của các hộ gia đình có lối sống xanh lên các hộ khác sẽ hiệu quả hơn một chương trình hay dự án chỉ thực hiện trong vài tháng rồi kết thúc. Ví dụ như, gia đình A thực hiện tiết kiệm điện và thường có hóa đơn tiền điện chỉ bằng một nửa của gia đình hàng xóm B. Trong quá trình sinh hoạt, trao đổi, giao lưu với nhau, gia đình B rất có thể sẽ tình nguyện thay đổi lối sống của mình để giảm bớt chi phí sinh hoạt như gia đình A đã thực hiện. Một số sự thay đổi hiện tại và cần thiết được nhân rộng ở đô thị và nông thôn Việt Nam như sau:

Thay đổi thói quen tiêu dùng: Thay đổi theo hướng tiêu dùng vừa đủ tránh lãng phí, lựa chọn các hàng hóa dịch vụ thân thiện với môi trường, giảm thải bỏ, tái chế và tái sử dụng chất thải (3R).

Hợp tác trong tiêu dùng (chia sẻ, trao đổi, kinh doanh): Người tiêu dùng có thể tự sản xuất một số loại hàng hóa, đặc biệt là vùng đô thị, có ý nghĩa lớn trong việc tiết kiệm chi phí vận chuyển và tác hại cho môi trường. Điển hình như mô hình nông nghiệp hộ gia đình ở các đô thị, tự trồng thực phẩm đảm bảo chất lượng và giúp xanh hóa môi trường sống. Mô hình này cũng phát triển mạnh ở Ấn Độ. Theo nghiên cứu của IPCC, vận chuyển thực phẩm là một trong những nguồn phát thải khí nhà kính lớn nhất tính trên toàn thế giới. Người dân Ấn Độ hình thành thói quen thân thiện môi trường bằng cách ưa dùng các sản phẩm ăn liền không đóng gói, các sản phẩm được sản xuất ở địa phương để giảm chi phí vận chuyển. Người Ấn Độ cũng thích thực phẩm tươi sống hơn là hình thức bảo quản, lưu kho, nếu bắt buộc phải sử dụng họ thường dùng kỹ thuật bảo quản tự nhiên như muối rau, phơi, sấy tự nhiên.

Thay đổi hành vi của hộ gia đình: Hộ gia đình sử dụng tiết kiệm năng lượng hơn, nhiều hộ đã thực hiện đầu tư vào sản phẩm tiết kiệm năng lượng cho thấy tín

hiệu khả quan về một trình độ nhận thức ngày càng tăng và sự sẵn sàng chuyển sang lối sống mới bền vững hơn.

Thay đổi cơ sở hạ tầng đô thị: Các thành phố và đô thị được hỗ trợ thay đổi phương tiện giao thông vận tải như tăng các phương tiện công cộng, dành riêng làn đường cho xe bus nhanh nhằm khuyến khích người dân chuyển đổi phương tiện giao thông cá nhân sang công cộng.

Thực tế cho thấy có nhiều triển vọng về một lối sống đang dần xanh hóa, tuy nhiên để xanh hóa lối sống diễn ra mạnh mẽ hơn cần có sự chung tay, đoàn kết của cả cộng đồng, mà trước tiên là sự xanh hóa lối sống từ phía những nhà quản lý, chính trị gia có tầm ảnh hưởng nhằm khuyến khích người dân thay đổi. Bài học từ Xingapo cho thấy, Thủ tướng Lý Quang Diệu là nhân vật quan trọng truyền cảm hứng thay đổi lối sống cho người dân, biến Xingapo trở thành một thành phố trong vườn. Bên cạnh việc phủ xanh các quy hoạch và kế hoạch xây dựng đô thị, Thủ tướng chú trọng vào kích thích thay đổi thói quen của người dân. Ông thúc giục các hộ gia đình trồng cây trong khuôn viên nhà họ, đồng thời cung cấp các cây con giá rẻ kèm hướng dẫn trồng trọt cụ thể. Từ những thập niên 90 của thế kỷ XX, chương trình đờ đầu được thực hiện nhằm khuyến khích tự chủ trồng cây, như cách thức để các trường tham gia sáng tạo, gìn giữ các công viên. Quỹ thành phố vườn thành lập và đi vào hoạt động năm 2003 nhằm khuyến khích cộng đồng thể hiện đóng góp của họ vào việc giữ màu xanh của thành phố. Đặc biệt là, Xingapo có Chương trình cộng đồng nở hoa - một chương trình trồng vườn vào năm 2005. Cộng đồng cảm thấy yêu thích chương trình do họ thấy mình có khả năng trồng cây, làm đẹp, thiết kế và thể hiện sáng tạo trên vườn cây của mình. Tinh thần độc lập của cộng đồng người dân được trau dồi, thúc đẩy sự tương tác xã hội và xây dựng sự tự tin nhiệm, tự chủ, kéo theo đó là động lực thay đổi lối sống xanh hóa hơn.

Như vậy, có thể thấy, người dân Việt Nam đã có nhiều biểu hiện xanh hóa trong lối sống, đặc biệt là ở vùng đô thị nơi tập trung và có mật độ dân cư lớn. Tuy nhiên, lối sống người Việt vẫn chưa đạt tới mức xanh và còn cần một quãng đường dài để đến với tiêu chuẩn sống xanh, hài hòa, thân thiện với môi trường. Đặc biệt khó khăn hơn trong việc kích thích thay đổi hành vi đối với những người dân Việt Nam với bản chất lối sống cố hữu, chậm thay đổi, ưa ổn định. Do vậy,

các biện pháp xanh hóa lối sống cần chất lọc học hỏi kinh nghiệm quốc tế, điều chỉnh cho phù hợp với Việt Nam kết hợp áp dụng các giải pháp cứng (quy định, luật lệ, ràng buộc) và các giải pháp mềm về mặt kinh tế, kinh tế hành vi để thay đổi từng cá nhân. Ngoài ra, để có nhìn nhận đúng đắn trực quan hơn về xanh hóa lối sống, Việt Nam cũng cần phát triển chỉ tiêu đánh giá mức độ xanh hóa lối sống, ví dụ như chỉ tiêu về “dấu chân sinh thái”<sup>11</sup> để có chiến lược khuyến khích sự thay đổi.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Phạm Hồng Trung: “Nghiên cứu về lối sống: Một số vấn đề về khái niệm và cách tiếp cận, tạp chí Khoa học, chuyên san Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tập 23, 804, 2007
2. Thanh Lê: Lối sống xã hội chủ nghĩa và xu thế toàn cầu hóa, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001
3. Trần Thị Kim Xuyên: Giáo trình xã hội học lối sống, Nxb. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, 2005.
4. Mont: Concept paper for the International Task Force on Sustainable Lifestyles. Third International Expert Meeting on Sustainable Consumption and Production, Stockholm, 2007
5. Weber, C. L. and H. S. Matthews: Quantifying the global and distributional aspects of American household carbon footprint, Ecological Economics, 2008, 66(2-3): 379-391
6. Tổng cục thống kê: Báo cáo tình hình kinh tế xã hội năm 2002, 2004, 2006, 2008, 2010, 2012, 2014
7. Nguồn: Báo cáo môi trường quốc gia các năm 2007, 2015
8. ThS. Vũ Quốc Chính: Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, 2013

---

<sup>11</sup> Dấu chân sinh thái là một thước đo nhu cầu về diện tích đất và nước có khả năng cho năng suất sinh học cần thiết để cung cấp cho các nhu cầu trong cuộc sống của con người và được tính bằng đơn vị héc-ta toàn cầu (Gha) theo đơn vị quốc gia, khu vực